

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2020

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Lợi;
2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh H1 - Sinh năm 1996 - Địa chỉ: Ấp 1, xã MTĐ, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh X - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các đơn khởi kiện đề ngày 03-9-2020, ngày 09-11-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H1 trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Thanh X cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã thị trấn ĐT ngày 06-02-2018; Chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và quản lý kinh tế, thường xuyên cãi vã nhau. Bà và ông X đã ly thân từ tháng 9-2020 đến nay.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh X;

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H2, sinh ngày 11-02-

2019, đang sống chung với bà (cách nay hơn 01 tháng). Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có 8,5 chỉ vàng 24Kr 9999 do ông X quản lý. Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung, ông X giao lại bà 4,25 chỉ vàng 24Kr 9999. Bà có cung cấp USB có file ghi âm nội dung về việc để lại toàn bộ vàng cưới nêu trên cho ông X quản lý; Khi đi bà chỉ mang theo toàn bộ số nữ trang vàng 18Kr là tài sản của riêng bà.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 02-11-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh X trình bày: Ông thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thanh H1 về ngày tháng điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, ly thân, con chung và việc không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H1.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con chung..

Về chia tài sản chung: Có 8,5 chỉ vàng 24Kr 9999 như bà H1 trình bày. Ông thừa nhận nội dung và giọng nói trong file ghi âm mà bà H1 cung cấp là của ông. Tuy nhiên, khi bỏ đi, bà H1 mang theo 4,5 chỉ vàng 24Kr 9999, để lại cho ông 4 chỉ vàng 24Kr 9999 (02 chiếc nhẫn), ông đã bán hết số vàng để lấy tiền trị bệnh cho con và mua sữa cho con trong thời gian con chung sống với ông. Ông không đồng ý chia đôi tài sản chung theo yêu cầu của bà H1 vì không còn tài sản chung.

Vụ án được hòa giải đoàn tụ ở Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thanh H1 khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Nguyễn Thanh X; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Xét về hôn nhân:

[3.1] Bà H1 và ông X chung sống có đăng ký kết hôn ngày 06-02-2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông X là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét việc tại phiên hòa giải bà H1 và ông X thuận tình ly hôn: Bà H1 và ông X xảy ra mâu thuẫn và ly thân tháng 9-2020, hiện vẫn sống ly thân, tự mỗi người

lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà H1 và ông X đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà H1 và ông X thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên công nhận.

[4] Xét về nuôi con chung:

[4.1] Đồng thời xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà H1 và ông X: Bà H1 và ông X không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông bà là có căn cứ và hợp pháp. Xét con chung Nguyễn Ngọc Gia H2 giới tính nữ, sinh ngày 11-02-2019, chưa đủ 36 tháng tuổi, giao cho bà H1 trực tiếp nuôi là phù hợp với nội dung biên bản hòa giải ngày 02-11-2020, phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của bà H1, không chấp nhận yêu cầu của ông X.

[4.2] Xét bà H1 không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4.3] Ông X được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H1 và ông X được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về chia tài sản chung:

[5.1] Xét số tài sản chung là 8,5 chỉ vàng 24Kr 9999 là phù hợp trình bày của bà H1 và trình bày của ông X tại Bản trình bày ý kiến ngày 23-11-2020 và Biên bản hòa giải ngày 26-11-2020.

[5.2] Xét việc ông X trình bày khi bỏ đi bà H1 mang theo 4,5 chỉ vàng 24Kr 9999, để lại cho ông 4 chỉ vàng 24Kr 9999 (02 chiếc nhẫn) là không có căn cứ chấp nhận, ông X không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông là có căn cứ và hợp pháp.

[5.3] Xét việc ông X trình bày ông đã bán hết số vàng để lấy tiền trị bệnh cho con và mua sữa cho con trong thời gian con chung sống với ông: việc nuôi dạy chăm sóc con là trách nhiệm của cha mẹ, ông X cho rằng sử dụng hết số vàng nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông là có căn cứ và hợp pháp nên trình bày của ông X không có căn cứ chấp nhận. Ông X không đồng ý chia đôi tài sản chung theo yêu cầu của bà H1 vì không còn tài sản chung là không có căn cứ chấp nhận.

[5.4] Do đó, chấp nhận theo yêu cầu của bà H1. Bà H1 và ông X mỗi người được chia 4,25 chỉ vàng 24Kr 9999. Số vàng trên ông X đang quản lý, ông X có nghĩa vụ giao cho bà H1 4,25 chỉ vàng 24Kr 9999 khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giá vàng 24Kr 9999 tại thời điểm ngày 10-

12-2020 là 5.370.000 đồng/chỉ, Bà H1 và ông X mỗi người được chia số vàng trị giá 22.822.500 đồng.

[6] Về chia nợ chung: Bà H1 và ông X trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà H1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; bà H1 và ông X mỗi người được chia tài sản trị giá 22.822.500 đồng, nên mỗi người phải chịu 1.141.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản. Tổng cộng bà H1 phải chịu 1.441.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 831.250 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà H1 còn phải nộp thêm 609.875 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thanh H1 và ông Nguyễn Thanh X.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Nguyễn Thanh H1 được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H2, sinh ngày 11-02-2019, đang sống chung với bà H1.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thanh H1: Ông Nguyễn Thanh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Ông X được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà H1 và ông X được quyền yêu cầu thay đổi trình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung:

Bà Nguyễn Thanh H1 và ông Nguyễn Thanh X mỗi người được chia 4,25 (bốn phẩy hai mươi lăm) chỉ vàng 24Kr 9999.

Số vàng trên ông X đang quản lý, ông X có nghĩa vụ giao cho bà H1 4,25 (bốn phẩy hai mươi lăm) chỉ vàng 24Kr 9999 khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chia nợ chung: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

5. Về án phí:

5.1. Bà Nguyễn Thanh H1 phải chịu 1.441.125 đồng (một triệu, bốn trăm bốn mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 831.250 đồng (tám trăm ba mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo các Biên lai thu số 0008797 ngày 14-10-2020 và số 0008862 ngày 11-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà H1 còn phải nộp thêm 609.875 đồng (sáu trăm lẻ chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Ông Nguyễn Thanh X phải chịu 1.141.125 đồng (một triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10-12-2020);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND thị trấn DT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương